TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ–ST
Ngày: 22–01–2025
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Xuân Tư, ông Lường Văn Duôi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2024/TLST-HNGĐ ngày 05-11-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-01-2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20-01-2025; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị N, sinh năm 1988. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Bản N, xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn X, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Bản N, xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lường Thị N trình bày:

Chị Lường Thị N và anh Lò Văn X kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 24/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh X không tin tưởng luôn nghi ngờ chị N ngoại tình, thường xảy ra cãi vã, anh X đi làm xa ít khi về nhà, không quan tâm vợ con, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lò Văn X.

Về con chung: Chị Lường Thị N và anh Lò Văn X có 02 con chung: Cháu Lò HL, sinh ngày 20/10/2007 và cháu Lò TM, sinh ngày 04/12/2015. Hiện tại hai cháu đang ở với chị Lường Thị N. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu Lò HL và cháu Lò TM. Chị Lường Thị N khai đang làm nghề buôn bán tự do tại địa phương, thu nhập bình quân 6.000.000đ – 8.000.000đ/tháng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh Lò Văn X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong bản tự khai, các chứng cứ có trong hồ sơ, bị đơn anh Lò Văn X trình bày như sau:

Anh Lò Văn X và chị Lường Thị N kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 24/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 4/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị N ngoại tình bỏ đi theo người khác. Anh Lò Văn X xác định còn tình cảm vợ chồng nên anh Lò Văn X không nhất trí ly hôn với chị Lường Thị N.

Về con chung: Anh Lò Văn X và chị Lường Thị N có 02 con chung: Cháu Lò HL, sinh ngày 20/10/2007 và cháu Lò TM, sinh ngày 04/12/2015. Hiện tại hai cháu đang ở với chị Lường Thị N.

Anh Lò Văn X khai đang đi làm nghề lái xe khách, không ký kết hợp đồng lao động, thỉnh thoảng có về nhà, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng.

Anh X đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu Lò HL và cháu Lò TM.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh X không yêu cầu chị Lường Thị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lò Văn X để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Lò Văn X vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện nuôi con tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự và ý kiến của con chung:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 24/12/2024 xác định: Anh Lò Văn X và chị Lường Thị N kết hôn hợp pháp, chung sống với nhau tại bản N, xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống có mâu thuẫn hay không và nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm được.

Hiện tại vợ chồng chị N, anh X đã sống ly thân. Anh X thường xuyên đi làm ở đâu không rõ, thỉnh thoảng về nhà. Anh X và chị N có 02 con chung đang ở với chị Lường Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Chị N có khả năng và điều kiện nuôi con.

Ý kiến của cháu Lò HL, sinh ngày 20/10/2007 (Biên bản ghi ý kiến ngày 26/11/2024): Cháu Lò HL ở với chị Lường Thị N chăm sóc cháu rất tốt, anh Lò Văn X không quan tâm đến cháu, nguyện vọng của cháu là muốn tiếp tục ở với chị Lường Thị N cùng em gái Lò TM.

Ý kiến của cháu Lò TM, sinh ngày 04/12/2015 (Biên bản ghi ý kiến ngày 26/11/2024): Cháu Lò TM ở với chị Lường Thị N chăm sóc cháu rất tốt, anh Lò Văn X không quan tâm đến cháu, nguyện vọng của cháu là muốn tiếp tục ở với chị Lường Thị N cùng chị gái Lò HL.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lường Thị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đến phiên tòa chị N vẫn kiên quyết ly hôn với lý do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn tình cảm được, anh Lò Văn X đi làm ở đâu không rõ ít khi về nhà, không quan tâm vợ con, không gửi tiền cho chị N để nuôi con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị N được ly hôn với anh Lò Văn X.

Về con chung: Giao cháu Lò HL, sinh ngày 20/10/2007 và cháu Lò TM, sinh ngày 04/12/2015 cho chị Lường Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lường Thị N theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lường Thị N yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lò Văn X có địa chỉ nơi cư trú tại bản N, xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lò Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị N và anh Lò Văn X kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, chị N và anh X là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị N, anh X chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh X đi làm xa nhà không quan tâm vợ con, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, không tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh X và chị N đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, chị N yêu cầu ly hôn với anh Lò Văn X. Ý kiến của anh Lò Văn X là không nhất trí ly hôn với chị Lường Thị N.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị N và anh X không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, anh X đi làm xa ít về nhà, không quan tâm vợ con thường xuyên dẫn đến vợ chồng bất hòa, không tin tưởng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung, chị N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được nên chị N kiên quyết ly hôn, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị N và anh X đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lường Thị N được ly hôn với anh Lò Văn X.

[3] Về con chung: Chị Lường Thị N và anh Lò Văn X có 02 con chung: Cháu Lò HL, sinh ngày 20/10/2007 và cháu Lò TM, sinh ngày 04/12/2015. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, các cháu ở với chị Lường Thị N.

Chị Lường Thị N và anh Lò Văn X đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu.

Ý kiến của cháu Lò HL và cháu Lò TM đều có nguyện vọng muốn được sống chung với chị Lường Thị N và ở cùng với chị, em ruột, không muốn ở với anh Lò Văn X do anh X không quan tâm đến các cháu và thường xuyên đi làm vắng nhà.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Lường Thị N và anh Lò Văn X đều có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập. Tuy nhiên, anh Lò Văn X đi làm thường xuyên xa nhà, công việc bận rộn, thu nhập cao hơn chị N nhưng không có nhiều thời gian chăm sóc con. Ý kiến của cháu Lò HL và cháu Lò TM đều có nguyện vọng muốn được sống chung với chị Lường Thị N và ở cùng với chị, em ruột, không muốn ở với anh Lò Văn X do anh X không quan tâm đến các cháu. Trong thời gian anh Lò Văn X đi làm xa nhà, chị N vẫn đảm bảo được điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Hơn nữa, các cháu đã ổn định môi trường sống, giáo dục và có sự gắn bó thân thiết với nhau và với chị N không thể tách rời. Do đó, để bảo đảm ổn định tâm lý và tình cảm của các cháu, cần chấp nhận ý kiến của nguyên đơn. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, xử giao cháu Lò HL và cháu Lò TM cho chị Lường Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không ai yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị Lường Thị N và anh Lò Văn X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị Lường Thị N và anh Lò Văn X xác định không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Lường Thị N là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Do đó, miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch trong vụ án ly hôn cho chị

Lường Thị N. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị N được ly hôn với anh Lò Văn X.

2. Về con chung: Giao cháu Lò HL, sinh ngày 20/10/2007 và cháu Lò TM, sinh ngày 04/12/2015 cho chị Lường Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không ai yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (anh X) có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh X thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Chị N, anh X không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về nợ chung: Chị N, anh X xác định không có. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch trong vụ án ly hôn cho chị Lường Thị N.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lò Văn X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nông Văn Thịnh